

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 4 - 2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ninh Ngọc Thu và bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh H; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T, xã Tr, huyện L, tỉnh H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021, bản khai, lời khai của ông Nguyễn Đức T; lời khai của bà Nguyễn Thị L và các tài liệu lưu tại hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh H vào ngày 28/10/2010. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo ông Nguyễn Đức T: Vợ chồng ông sinh sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có con chung; hơn nữa bà Nguyễn Thị L nói dối ông về nhiều chuyện trong cuộc sống cũng như làm ăn kinh tế. Cuối năm 2013 khi xảy ra mâu thuẫn ông đã đuổi bà L

ra khỏi nhà, bà L cũng bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó đến nay không về chung sống cùng ông. Vợ chồng ông hiện không còn tình cảm, không ai còn quan tâm đến ai, nay ông đề nghị được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Theo bà Nguyễn Thị L: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bà trông đưa bao tử tại nhà bố mẹ bà L ở thôn T, xã Tr, huyện L, tỉnh H, do vất vả nên dẫn đến cãi chửi nhau, sau đó ông T đuổi bà ra khỏi nhà. Bà cũng bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó đến nay không về chung sống cùng ông T, đã 05 năm bà không liên lạc với ông T, vợ chồng cũng không còn tình cảm gì nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ, các vấn đề khác*: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng do bà Nguyễn Thị L vắng mặt; ông Nguyễn Đức T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Đức T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi nghị án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L; về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Đức T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có con chung, vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Từ năm 2015 ông T và bà L sống ly thân đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Tại phiên toà ông T vẫn cương quyết xin ly hôn, bà L có lời khai lưu tại hồ sơ xác định vợ chồng không còn tình cảm; điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó giải quyết ly hôn giữa ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân theo biên lai số AA/2021/0001001 ngày 03/12/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Bắc Lý;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy